

NHU CẦU THÀNH LẬP TỔNG HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM TRONG GIAI ĐOẠN CHẤN HƯNG



TS Dương Thanh Mừng
Khoa Dân tộc và Tôn giáo, Học viện Chính trị khu vực III, Đà Nẵng
Tham luận tại hội thảo về chủ đề: **“Giáo hội Phật giáo Việt Nam: 40 năm hội nhập và**

phát triển cùng đất nước” vào ngày 04-11-2021 tại Tp.HCM

Tóm tắt:

Nhu yếu thống nhất Phật giáo Việt Nam được nhen nhóm từ những thập niên đầu thế kỷ XX, qua việc thành lập Hội Lục hòa Liên xã của Hòa thượng Khánh Hòa, theo sau là ý tưởng của sư Tâm Lai, Nam Hải và Nguyễn Mạnh Bổng ở miền Bắc... Tuy nhiên, khi phong trào chấn hưng Phật giáo diễn ra, không phải hội đoàn nào cũng thực sự chú tâm đến vấn đề này. Phần lớn các tổ chức chỉ chú trọng đến các phương diện hoạt động riêng của mình, trong khi đó, ở miền Nam, Hội Lưỡng Xuyên Phật học tích cực phát đi những tín hiệu về sự hòa hợp, thống nhất qua việc thành lập Phật giáo Tổng hội. Từ đây, các cuộc thảo luận đã diễn ra khá sôi nổi trên nhiều diễn đàn báo chí cả trong và ngoài Phật giáo đương thời.

Từ khóa: Tổng hội Phật giáo Việt Nam, Phong trào chấn hưng Phật giáo, Hội Lưỡng Xuyên Phật học.

I. CÁC ĐỀ XUẤT THÀNH LẬP PHẬT GIÁO TỔNG HỘI

Tháng 9/1937, Hội Lưỡng Xuyên Phật học cho đăng tải bức thư của Hội Phật giáo An Nam tại Campuchia về việc các đoàn thể Phật giáo trong nước nên thành lập một tổ chức thống nhất để chỉnh đốn tăng già và dịch thuật kinh sách giống như Phật giáo ở Lào và Campuchia. Đến tháng 10/1937, Hòa thượng Huệ Quang chính thức đưa vấn đề Phật giáo Tổng hội ra bàn luận. Hòa thượng cho rằng: từ nhiều năm trước, đã xuất hiện phong trào chấn hưng Phật giáo. Những người ưu thời, mẫn thế thấy vậy tích cực hưởng ứng, quy tụ thêm những người bạn cùng chí hướng, lập hội, xuất bản tạp chí, phát hành kinh sách. Nhưng khổ nổi chính vì những định kiến cá nhân mà mỗi hội, mỗi tạp chí lại có những ý kiến trái ngược nhau. Thành thử, nói chấn hưng mà không có một quy chuẩn nào thực sự thống nhất cho việc học tập và tu dưỡng. Khu vực thành thị cũng như các vùng nông thôn có rất nhiều người tín ngưỡng Phật giáo nhưng cũng có không ít người mê tín dị đoan. Tạp chí Phật học ba miền đều có mà không tờ nào được năm, bảy ngàn độc giả; lại thêm nội dung ý kiến bất đồng, tờ này nói vậy, tờ kia nói khác, cùng chung mục đích chấn hưng mà cách hành động lại có quá nhiều mâu thuẫn. Muốn khắc phục được những hạn chế này thì các hội phải biểu thị sự đồng tâm nhất trí, nhanh chóng thành lập Phật giáo Tổng hội để làm kim chỉ nam cho các thế hệ hậu tấn noi gương hành đạo. Các hội, tạp chí nên bàn bạc cùng nhau rồi chọn ra một ngày để nhóm họp. Các hội ở vùng nào thì nhóm họp trừ bị tại vùng đó trước để thống nhất ý kiến. Sau đó, mỗi hội sẽ chọn ra hai vị (1 Tăng già và 1 cư sĩ) đại diện cho các hội viên đi dự hội nghị hợp nhất.

Sau khi đã lựa chọn được nhân sự tham gia thì các hội nên chọn Trung kỳ là trung tâm của cả nước để tổ chức hội nghị. Đến ngày khai hội, mỗi tổ chức đều phải nêu ra ý kiến, quan điểm của mình để cùng nhau bàn bạc và xây dựng một chương trình thống nhất. Đồng thời, cùng nhau thảo luận và công cử các ban chuyên trách để chăm lo công việc cho Tổng hội, gồm:

1/Ban Kiểm duyệt, với sự tham gia của các vị Tăng già và cư sĩ trình độ học vấn uyên thâm.

Trách nhiệm của ban là kiểm duyệt lại các kinh sách đã được Việt hóa và phổ biến trước đây, đồng thời kiểm tra, giám sát nội dung các công trình sắp xuất bản.

2/Ban Đạo sư giáo dục: Trách nhiệm của ban là dự thảo một chương trình đào tạo chung nhất cho các Phật học đường trong cả nước, từ cấp tiểu học, trung học cho tới đại học (mỗi cấp bao nhiêu năm và gồm những môn học gì); xuất bản kinh sách cho các cấp học; tuyển chọn các vị giáo viên, giảng sư có đủ phẩm chất và năng lực để tham gia giảng dạy, thuyết pháp; tham gia chứng minh các buổi lễ khai giảng, cấp bằng tốt nghiệp tại các trường.

3/Ban Luật sư: Trách nhiệm của ban là kiểm tra, giám sát các hội, chùa, đạo tràng truyền giới, kết hạ, gia giáo, xuất gia thế độ, thọ giới, xả giới.

4/Ban Giảng sư: Ban này sẽ tham gia giảng dạy, thuyết pháp tại các tỉnh hội, các hạt, các chi hội hoặc những nơi có việc thỉnh cầu.

5/Ban Hộ pháp: Ban này sẽ mời các quan chức trong chính quyền nhà nước tham gia và họ phải là những người mến mộ đạo Phật. Trách nhiệm của ban là đại diện cho Tổng hội thực hiện các hoạt động đối nội và đối ngoại đối với chính quyền thuộc địa Pháp và triều đình; tham gia đề đạt các nguyện vọng, ý kiến của Tổng hội đối với các cơ quan chức năng có thẩm quyền để triển khai một cách có hiệu quả các hoạt động chấn hưng; đồng thời cam kết xử lý nghiêm những người tu hành không chân chính, những người lợi dưỡng, mượn Phật làm danh và làm nguy hại đến tình hình trị an.

6/Ban Thanh tra, với sự tham gia của cả Tăng già và cư sĩ. Trách nhiệm của ban là kiểm soát các khoản thu chi, đạo hạnh của các hội viên, các nhà sư ở các chùa và các hội thuộc quyền quản lý của Tổng hội.¹



Chùa Lương Xuyên, Trà Vinh

Để triển khai thực hiện ý nguyện này, tháng 2/1938, Hội Lương Xuyên Phật học gửi chương trình của Hòa thượng Huệ Quang đến các Tăng Ni, Phật tử; đồng thời, đính kèm một bản chương trình nghị sự gồm 3 điểm:

1/Vấn đề Phật học đường: Nên đặt ở vị trí nào thuận lợi để các hội có thể gửi học sinh đến học; việc thành lập Ban giáo dục toàn quốc và định mức học phí cho các cơ sở đào tạo.

2/Vấn đề dịch thuật: Thành lập một ban biên tập và phiên dịch, chú giải kinh sách cho toàn thể các tổ chức.

3/Vấn đề tạp chí: Phải điều chỉnh lại mục đích, tôn chỉ, phương thức hoạt động nhằm tránh sự xung đột và các cuộc bút chiến không cần thiết trên diễn đàn.²

Hội Lương Xuyên Phật học dự định là sẽ mời tất cả các tổ chức Phật giáo ở Nam kỳ và Campuchia nhóm họp từ ngày 15 đến 16/3/1938 để bàn về việc hợp nhất. Sau khi thống nhất ý kiến của các hội trong Nam thì sẽ mở rộng ra bàn định với miền Trung và miền Bắc. Trong bức thư gửi đến các tổ chức Phật giáo vào ngày 9/3/1938, hội nêu rõ các dự định của mình rằng: Hội Lương Xuyên Phật học có tâm nguyện thống nhất Phật giáo đã từ rất lâu, nay lại may mắn gặp được cơ duyên, các bạn đồng chí tỏ lòng hưởng ứng như: 1/Bức thư bày tỏ sự đồng thuận của Hội Phật giáo An Nam tại Campuchia; 2/Bài Việt Nam Phật giáo liên hiệp của Tam Bảo tạp chí, số 5, 1937; 3/Ông Hoàng Hữu Đôn, Tuần phủ hồi hưu, Phó Hội trưởng Hội An

Nam Phật học, đã đích thân đến hội quán để cùng trù liệu phương thức hợp nhất; 4/Lại thêm bài yêu cầu các hội Phật giáo nhanh chóng hợp nhất để được hưởng thụ ân huệ của Phật giáo... Những bằng chứng sát thực như vậy mà lẽ nào các hội Phật học trong xứ Đông Dương lại ngời yên, không nhân cơ hội này để thực hiện tinh thần hòa hợp, thống nhất. Thiết tưởng muốn hợp nhất mà không chịu thực hiện thì không sao đạt được kết quả. Do đó, chúng tôi dự định sẽ tổ chức nhóm họp lâm thời cùng các hội Phật học ở trong Nam để luận bàn một chương trình trù bị như sau:

1/Xác định phương thức xây dựng Phật học đường; nội dung các chương trình đào tạo cho các cấp học (3 cấp) cùng việc tuyển chọn các vị giảng sư có đủ khả năng để giáo dục cho các học tăng cả về kiến thức Phật học lẫn các nghề nghiệp.

2/Tổ chức một Ban biên tập, chọn đủ các bậc văn nhân, trí thức để khảo duyệt, phiên dịch kinh sách từ chữ Hán sang chữ Quốc ngữ để làm phương tiện hỗ trợ cho công cuộc hoằng pháp.

3/Xây dựng kỷ cương, kỷ luật cho giáo hội, định rõ hai giới xuất gia và tại gia.

4/Thành lập Ban Kiểm soát và Ban Cứu tế.

5/Tổ chức ban diễn thuyết và khảo duyệt bước đầu năng lực của các thuyết trình viên trước khi thuyết pháp.

6/Trao đổi ý kiến về các nội dung cần chấn hưng, số lượng kinh sách Phật học sẽ phát hành; xây dựng quy chế cho các kỳ thi cùng các quy định về xuất gia, truyền giới, thọ giới, xả giới...

*"Chúng tôi khẩn cầu quý hội, chư vị đại đức, quang lâm đến chùa hội quán Lương Xuyên Phật học ở Trà Vinh vào ngày 15- 16/3/1938, để luận bàn, thương thuyết các khoản kể trên, thêm bớt trông chờ ý kiến cao sâu của chư đại đức. Cúi xin quý ngài vui lòng hạ cố, bớt chút thời gian đến dự đông đủ để hưng phò Phật giáo trong lúc trắng vu. Chúng tôi rất ngưỡng vọng đức từ bi của quý ngài."*³

Đúng như dự định, vào ngày 14-16/3/1938, Hội Lương Xuyên Phật học tổ chức đại hội thường niên và mời đại diện của các tổ chức Phật giáo đến tham dự. Nhân lúc giải lao, tiệc trà, hội tiếp tục đưa vấn đề thành lập Phật giáo Tổng hội ra bàn luận với các đại biểu. Theo hội, Phật học là thuyết vô ngã, tự giác còn phải giác tha, hướng gì đã là Phật tử, cùng chung tư tưởng, cùng chung chí hướng, cùng tôn thờ một đức tin mà lại không thể hợp tác với nhau để tổ chức nên một giáo hội thực sự thống nhất hay sao. Thay vì 5 điểm như trước đây, hội đã nâng chương trình lên thành 6 điểm gồm:

1/Chọn một ngôi chùa nằm ở vị trí trung tâm của Bắc kỳ, Trung kỳ hoặc Nam kỳ để làm trụ sở cho Tổng hội.

2/Các tổ chức sẽ cùng bàn bạc với nhau về việc thành lập Phật học đường, xây dựng chương trình đào tạo (gồm 3 cấp là Sa-di, Tỳ-kheo, cao đẳng Tỳ-kheo), tuyển chọn những người giáo viên có đủ đức, đủ tài, quy định mức học phí và thù lao chi trả...

3/Tổ chức một Ban Phiên dịch, với sự tham gia của các nhà sư Phật lý uyên thâm và các cư sĩ có nhiều kinh nghiệm nghiên cứu về Phật học để tiến hành dịch thuật 3 tạng kinh điển sang chữ Quốc ngữ. Tổng hội sẽ có trách nhiệm kiểm tra, đánh giá về mặt chất lượng đối với các bộ kinh sau khi đã dịch xong, xem xét giá trị ngày công lao động để chi trả thù lao, đồng thời, đề xuất các hình thức khen thưởng hợp lý đối với các dịch giả.

4/Các hội Phật giáo trong cả nước sẽ cùng nhau công cử một Ban Trị sự để chỉnh đốn hàng ngũ tăng già, cư sĩ, cùng các hoạt động như xuất gia, thọ giới, phục thức, kiết hạ, hành lễ... theo đúng quy tắc, quy định của Tổng hội.

5/Thành lập một Ban Kiểm duyệt (gồm Tăng già và cư sĩ) để giám sát các hoạt động của Ban Phiên dịch, Ban Giáo dục, Ban Cứu tế xã hội, Ban Tài chính...

6/Tổ chức một Ban Thuyết pháp (tạm thời) gồm các nhà sư và các cư sĩ có năng lực thực sự. Tổng hội sẽ có trách nhiệm làm việc với chính quyền các cấp để các thành viên này có thể tham gia thuyết pháp, diễn giảng một cách hợp pháp ở các địa phương trong toàn khu vực Đông Dương. Kinh phí hỗ trợ về ăn uống, đi lại cho các giảng sư sẽ do các địa phương sở tại chu cấp.⁴

Theo hội, chừng nào phần đông các chùa trong cả nước đều đồng ý với chương trình này thì mới chính thức làm đơn gửi chính phủ để xin phép thành lập Phật giáo Tổng hội. Đồng thời, hội cũng sẽ tổ chức một cuộc họp và mời tất cả các vị đại biểu của các tổ chức đến dự để bầu ra một Ban Trị sự Trung ương với ba bộ. Bộ kinh tế chăm lo việc mở mang nông phố, kỹ nghệ, thương mại, nghiên cứu các phương pháp làm tăng năng suất lao động, lợi tức từ các ngành nghề để Tổng hội có thêm nguồn kinh phí bổ trợ cho các hoạt động. Bộ vệ sinh chăm lo sức khỏe, ngăn ngừa các dịch bệnh truyền nhiễm cho các hội viên; tham mưu cho Tổng hội để thành lập các cơ sở khám chữa bệnh, cấp phát thuốc, cô nhi viện, viện dưỡng lão, sở tế lương trong tất cả các chùa. Bộ giáo dục phụ trách công tác đào tạo cả về thể dục, trí dục lẫn đức dục. Chăm lo rèn luyện, giáo hóa để mọi người đều có được một đức tính thuần hậu, một cơ thể khỏe mạnh và một tâm trí sáng suốt. Một khi đã làm được như vậy thì những người xuất gia sẽ có đủ tài năng, đức hạnh lẫn tri thức để lãnh đạo quần chúng Phật tử; còn những người cư sĩ tại gia sẽ có đủ khả năng chọn lấy một nghề nghiệp phù hợp để làm việc và nuôi sống gia đình một cách đàng hoàng, chân chính. Hội kêu gọi: *"Hỡi Phật giáo đồng bào, hỡi các bậc lãnh tụ Phật giáo trong nước. Chúng ta hãy gắng lên cho Tổng hội Phật giáo nhanh chóng được thành lập, tức là chúng ta làm cho chủ nghĩa hoằng pháp lợi sinh, từ bi, cứu khổ của đạo Phật được thực hành một cách nhanh chóng"*⁵.

II. THẢO LUẬN VỀ VẤN ĐỀ NÊN HAY KHÔNG NÊN THÀNH LẬP PHẬT GIÁO TỔNG HỘI

Ngay sau khi ý nguyện của Hòa thượng Huệ Quang và chương trình của Hội Lương Xuyên Phật học được công bố rộng rãi trên các mặt báo, nhiều hội đoàn Phật giáo lẫn các nhà trí thức, những người mến mộ đạo Phật đương thời đã tham gia bàn luận một cách sôi nổi.

Tổ chức “từ chối” lời đề nghị hợp nhất này là Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học. Nhận định này được Duy Tâm Phật học, số 32 đưa ra như sau: Từ ngày đề nghị thành lập Phật giáo Tổng hội được xướng xuất trên báo Duy Tâm số 24, 25, 28 và Hội Lương Xuyên Phật học cũng đã gửi thư mời công khai trên báo Lục tỉnh Tân văn số 5799 (ra ngày 8/3/1938), báo Sài Gòn số 1336 (ra ngày 9/3/1938), báo Điện Tín... các hội Phật giáo trong ba kỳ và Campuchia đều hoan nghênh tinh thần và cử người tới dự hoặc gửi thư bàn luận. Như Hội Phật giáo Bắc kỳ, Hội An Nam Phật học ở Huế, Hội Phật học Đà Thành ở Đà Nẵng, Hội Phật giáo An Nam tại Campuchia cũng đánh điện hoan nghênh và phái người tới dự. Duy chỉ có Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học ở Sài Gòn là Hội khai sáng ở xứ Nam kỳ đã không hoan nghênh hợp tác lại còn lấy tư tâm thành kiến mà kích bác nhiều điều không thỏa đáng⁶.



Ban sáng lập An nam Phật học hội, 1932 tại chùa Trúc Lâm - Huế
Ngồi giữa, thứ 3 từ phải là Hòa Thượng Thích Giác Tiên;
ngồi bìa phải là Tâm Minh Lê Đình Thám; ngồi bìa trái là ông Nguyễn Đình Hòe.

Không chỉ có ý kiến của Duy Tâm mà các nhà lãnh đạo và một số hội viên của Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học cũng thẳng thắn bày tỏ quan điểm của mình. Đơn cử như phó nhất Hội trưởng Nguyễn Thiện Minh cho rằng: *“Nếu các Phật giáo đồ quyết chí làm theo phép Lục hòa rồi ai cũng dám hy sinh phần lợi ích của mình để lo lắng cho sự hoằng pháp lợi sinh, thì tưởng lại chẳng cần mỗi miệng khan tiếng kêu rú về việc thành lập Phật giáo Tổng hội làm gì cho rùm lõ tai thiên hạ, mà tự nhiên ngàn chi muôn phái cũng đều chung lo một mối; thí như trăm sông, ngàn rạch cũng đều chảy về biển mà giữ phần tư nhuận cho vạn vật quần linh. Huống chi gặp thời buổi tân cựu tư tưởng đang xung đột, làm cho nhân loại bối rối trong trí chẳng biết đi theo đường nào mà Phật giáo đồ cứ lo làm việc nổi loạn với nhau trong nội bộ Phật giáo:*

Người theo phái kia nói tông này quấy, người theo phái nọ tuyên bố rằng tông kia là mê tín, chỉ có cái đề xướng của mình là phù hợp với Phật giáo mà thôi. Nếu Phật giáo đồ trong xứ ta không đồng một lòng giác ngộ đến chỗ nhược điểm ấy rồi sám hối, ăn năn những tội lỗi đã làm từ nay trở về trước và thành khẩn cái quán tự tâm từ nay cho đến lúc thọ chung thì chắc hẳn không bao giờ có cái tinh thần hòa hợp và cũng không có phương pháp gì tổ chức Phật giáo Tổng hội được.”⁷

Tiếp đến, phó nhì Hội trưởng Trần Nguyên Chấn cũng bày tỏ rằng “*cái tình thế của các hội Phật giáo trong xứ Nam kỳ chưa thể hợp nhất được*”. Tình thế của các tổ chức Phật giáo ở miền Nam đương thời được Trần Nguyên Chấn nêu ra là: Hội Tịnh độ Cư sĩ ở Sài Gòn tuy danh tiếng là “*tịnh độ*” nhưng lại lấy “*bùa thuật trị bệnh*” làm tôn chỉ và bầu người ngoại đạo làm tông sư... Mượn Phật làm danh để phá hoại Phật pháp chứ không phải là hội Phật học. Hội Thiên Thai thiền giáo tông liên hữu ở Bà Rịa thì người đứng đầu lại xiển dương tôn chỉ “*ngụy truyền chánh pháp*” để lấy tiền, chứ không thấy làm điều gì hữu ích cho Phật pháp; hành động như vậy đâu đáng là hội của Phật giáo. Hội Phật học Kiêm Tế ở Rạch Giá thì lấy tạp chí Tiến Hóa làm cơ quan ngôn luận mà nội dung chủ yếu là luận thuyết duy vật và bài xích Phật giáo, lôi kéo mọi người theo thuyết tự do, dân chủ, không Tây phương tịnh độ, không thiên đường, địa ngục... Cái hội như thế đâu phải là hội Phật giáo; Còn như Hội Lương Xuyên Phật học ở Trà Vinh, trừ Hòa thượng Khánh Hòa ra, không có một người nào thông hiểu Phật giáo. Đối với Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học và Tạp chí Từ Bi Âm thì ganh ghét mà đối với các hội và các tạp chí không chính đáng khác như: Pháp âm của Tịnh độ cư sĩ Phật hội, Bát-nhã âm của Hội Thiên Thai thiền giáo tông và nhất là Tiến hóa của Hội Phật học Kiêm Tế thì lại tán thành lẫn nhau để làm phe cánh. Thái độ như thế, hành vi như thế mà bảo sao Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học của chúng tôi có thể hợp tác cùng Hội Lương Xuyên Phật học và các hội kia để thành lập Phật giáo Tổng hội cho được⁸.

Theo hội viên Võ Văn Biểu (pháp danh Thiện Lí, thư ký Sở Thủy điện Sài Gòn), muốn thành lập Phật giáo Tổng hội thì trước tiên phải bài trừ cho được các tổ chức mượn Phật làm danh, các hình thức tà đạo, các tạp chí không đi đúng với mục đích, tôn chỉ của đạo Phật. Các hình thức tà đạo mà tác giả muốn bài trừ ở đây chính là “*những tổ chức vốn xưng danh là hội Phật giáo nhưng lại có cách hành động không đúng với tinh thần của đức Phật; hay là các tạp chí vốn xưng là tạp chí Phật học mà lại hủy báng, công kích đạo Phật (các hội, các tạp chí mà cụ Trần Nguyên Chấn đã đề cập ở trên - TG)*”. Sau khi đã bài trừ được những hạn chế nêu trên, mỗi tổ chức nên duy trì một tờ tạp chí để làm cơ quan ngôn luận. Những người đứng đầu của các tổ chức nên bàn bạc, thống nhất với nhau về mặt dịch thuật và luận thuyết để tạo ra một nhận thức đúng đắn cho các hội viên lẫn các nhà nghiên cứu. Nếu cá nhân hay tổ chức nào phát hiện ra những sai sót từ các bài diễn dịch đăng trên tạp chí thì nên lên tiếng góp ý. Phải đem những luận chứng sát thực của mình ra để đính chính những chỗ sai lệch kia. Phê phán sai trái nhưng phải dựa trên tinh thần khoa học và khách quan, tránh trường hợp công kích, mạ sát nhau mà làm mất đi vẻ ôn hòa, tôn nghiêm trong đạo Phật. Như vậy, tuy mỗi hội đều có những cách thức khác nhau để hoằng pháp, song lại cùng đi chung với nhau trên con đường tự

giác, giác tha, cùng dìu dắt nhau tới cõi quang minh, khoái lạc, tất nhiên vấn đề hợp tác để thành lập Phật giáo Tổng hội ấy mỗi người xướng ra ắt sẽ có hàng trăm, hàng vạn người hưởng ứng, chứ không lo gì không thực hiện được.⁹

Thực ra, hội viên Võ Văn Biếu muốn duy trì hiện trạng độc lập giữa các tổ chức chứ không phải là ủng hộ chủ trương thống nhất của Hội Lưỡng Xuyên Phật học. Và thậm chí, khi kết luận bài viết, tác giả còn cho rằng, Hội Lưỡng Xuyên Phật học muốn mượn danh nghĩa thành lập Phật giáo Tổng hội để lôi kéo tín đồ và làm có kéo dài sự công kích Trần Nguyên Chấn chứ không phải thực tâm muốn tạo nên một sự thống nhất Phật giáo.

Về phía quan điểm ủng hộ, sớm nhất có thể kể đến bài viết của Dương Sĩ Hiền đăng trong Lục tỉnh Tân văn, số 5751, ra ngày 3-1-1938. Cư sĩ cho rằng, cùng một tôn chỉ chấn hưng Phật giáo mà giữa các tổ chức lại có những hành động lắm sự sai biệt, suốt ngày công kích, bài bác lẫn nhau thì dù có đem hết tài năng và tâm huyết thể hiện đi chăng nữa cũng không thể tránh khỏi sự mỉa mai của người đời về cách hành động đơn phương độc mã như chàng Don Quichotte. Nếu các ngài muốn cầu mong cho sự nghiệp chấn hưng sớm đạt được kết quả mỹ mãn thì xin hãy chấm dứt ngay tình trạng biệt lập, chia phe, chia phái và thực hành ngay chương trình Phật giáo Tổng hội của sư cụ Huệ Quang.¹⁰ Không chỉ biểu thị sự đồng tình mà Việt Liên Tổ sau khi đọc được chương trình của Hội Lưỡng Xuyên Phật học cũng đã có ý nguyện đưa Phật giáo Việt Nam tiến xa hơn trong mối quan hệ với Phật giáo ở các nước. *“Đối với bài Phật học Tổng hội của cụ Huệ Quang, chúng tôi xin biểu thị sự đồng tình, hân hoan cổ vũ và nguyện tiếp thêm một tay, một lời để tỏ lòng tán thành về vấn đề này. Chúng ta nên trùng quan lại cái tôn chỉ Lục hòa cho tinh thần chất tổ của chúng ta cùng liên lạc với nhân duyên hòa hợp của vũ trụ nhân sinh mà trực tiếp hưởng ứng để tổ chức thành công Phật giáo Tổng hội của Hòa thượng Huệ Quang đề nghị; gián tiếp với Phật giáo hòa bình quốc tế hội của Thái Hư Đại sư phát khởi, quảng giao với thế giới Phật học hội của các tín đồ Phật giáo ở các nước đã lập thành.”*¹¹

Với Hội Phật học Kiêm Tế, thống nhất Phật giáo cũng là một chủ đề được hội quan tâm, tham gia góp ý rất tích cực, bởi đây là một phạm trù có quan hệ mật thiết với quan điểm thiết lập nền tài sản công trong các chùa và cải cách tăng chế mà Ban Trị sự đã đặt ra.

Về mặt quan điểm, Hội Phật học Kiêm Tế bày tỏ sự đồng tình và nhất trí cao đối với đề nghị của Hội Lưỡng Xuyên Phật học. Hội Phật học Kiêm Tế cho rằng, nếu đạo Phật không lo giải phóng cho xã hội bằng vật chất và tinh thần thì không còn gì là tôn chỉ từ bi, cứu khổ. Và nếu không thực hiện được những lời di huấn của đức Phật thì thế gian, người đời cũng sẽ cho rằng, các tổ chức Phật giáo chỉ mượn danh nghĩa nhà Phật để lừa gạt tín đồ mà thôi. Muốn thực hiện được Phật giáo Tổng hội thì phải thực hành ngay chủ nghĩa Lục hòa. Trong Lục hòa, *“Lợi hòa đồng quân”* (tài sản phân chia đồng đều) là điều quan trọng nhất. Nếu nó được thực hiện ngay giờ phút nào thì Phật giáo Tổng hội sẽ được thành lập ngay trong giờ phút ấy. Nếu chưa tổ chức được nền tài sản công trong các chùa, các hội thì không mong gì đi tới Phật giáo Tổng hội được. Hội Lưỡng Xuyên Phật học đã đề xướng Phật giáo Tổng hội thì trước hết những vị trụ trì,

lãnh tụ đứng tên trong hội phải làm gương cho tăng chúng bằng việc giao hết chùa và tài sản của chùa để làm của chung vĩnh viễn. Tiếp đến, phải đánh đổ những hạng “tăng phiệt” mới mong thiết lập được nền tài sản công và từ đó mới xây dựng được Phật giáo Tổng hội. Phật giáo Tổng hội được thực hiện thì những công việc khác (từ thiện, hoằng pháp, giáo dục...) mới được hoàn thiện. Các hội Phật học cũng nhân đó mà có quyền tự hào rằng mình đã đi đúng với mục đích, tôn chỉ từ bi, cứu khổ của đức Phật. Tổ chức tài sản công trong các chùa, các hội chính là điều kiện căn bản nhất để đi tới thành lập Phật giáo Tổng hội. Bởi vậy, các Hội Phật học phải giải quyết cái vấn đề căn bản ấy trước đã rồi mới nghĩ đến việc xây dựng chương trình hành động cho Phật giáo Tổng hội.¹²

Về phương thức thực hiện, Hội Phật học Kiêm Tế cho rằng, để đi đến thành lập Phật giáo Tổng hội phải trải qua ba giai đoạn.

Giai đoạn 1: Lấy Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học làm tổ chức trung tâm, lấy các tỉnh hội đã có để làm chi nhánh, đồng thời, nhanh chóng thành lập thêm các cơ sở mới ở khắp các tỉnh, thành miền Nam. Kế đó là lập nhà in để xuất bản kinh sách hỗ trợ cho công tác hoằng pháp. Các báo, tạp chí của Tổng hội phải chia ra nhiều loại: nhật báo chuyên về thời sự, tuần báo chuyên về thường thức, bán nguyệt san chuyên về triết học Đông - Tây, nguyệt san chuyên về nghiên cứu Phật học. Đối với các tỉnh hội phải thực hiện ngay sự nghiệp văn hóa (mở trường đào tạo tăng tài) và sự nghiệp xã hội (mở cô nhi viện, lập phòng khám, nhà phát thuốc); phải tổ chức các cơ quan kinh tế như nông trường, công trường cho tất cả những người xuất gia trong Tổng hội tham gia để họ tự chủ về kinh tế, không dựa dẫm, lệ thuộc vào tín đồ. Các Tăng Ni, Phật tử muốn lập chùa phải thông qua Tổng hội, chịu sự quản lý của cơ quan này, đồng thời, phải thực hiện chủ trương tài sản công, không được tư hữu hay biệt lập.

Giai đoạn 2: Mở chi nhánh khắp các tổng (đơn vị này cũng phải tổ chức tương tự như hội quán trung ương), thực hiện hình thức trụ trì luân phiên giữa các chùa (mỗi vị sẽ trụ trì từ 2-3 năm ở một ngôi chùa sau đó chuyển sang các chùa khác). Thực hiện việc sáp nhập và quy tụ các chùa về một đầu mối chung, có thể là ở tỉnh lỵ hay tại những vị trí trung tâm.

Giai đoạn 3: Mở chi nhánh khắp các làng, xã. Các chi nhánh ở tổng hay ở làng, xã đều phải thành lập trường học, phòng khám chữa bệnh và phát thuốc (miễn phí), viện dục anh. Chừng nào mỗi làng chỉ có một ngôi chùa ở dưới quyền quản lý của hội tổng, mỗi tổng chỉ có một chùa dưới quyền quản lý của hội tỉnh, mỗi tỉnh chỉ có một chùa dưới quyền quản lý của Tổng hội trung ương trên nền tài sản công thì chừng ấy Phật giáo Tổng hội mới đạt được những kết quả mỹ mãn.¹³

Về cơ cấu tổ chức và cách thức vận hành, Thiện Chiếu (Tự Giác), một nhân vật trụ cột của Hội Phật học Kiêm Tế, đã từng tuyên bố rằng: “Không có Tổng hội đúng đắn, vững bền tôi thề không bỏ ý lập Tổng hội và không vào hội nào cả”. Theo đó, Thiện Chiếu đã đề xuất quan điểm của mình như sau: Đầu tiên, phải bầu một vị Pháp chủ để quản lý giới luật, duy trì tôn ti, trật tự cao thấp trong tăng chúng và quản lý các công việc chung trong Tổng hội. Tiếp đến phải lập ra một bản luật lệ chung cho tất cả các tỉnh hội, các chi nhánh. Luật lệ sẽ bao gồm

hai phần là nghị định và giới luật. Nghị định do Tổng hội đồng của Tổng hội xây dựng và ban hành. Nghị định sẽ được áp dụng chung cho tất cả các chi hội. Tùy theo tình hình thực tế của từng địa phương và năng lực của các tổ chức mà triển khai thực hiện các nội dung đã nêu ra trong nghị định. Luật là điều bắt buộc, bất cứ cá nhân hay tổ chức nào đã tham gia vào Tổng hội thì phải thực hiện theo đúng các điều khoản đã quy định. Luật có quyền sửa chữa, bổ sung hay bác bỏ nghị định nếu xét thấy không cần thiết. Còn nghị định thì không thể vượt ra ngoài phạm vi của giới luật. Không có địa phương nào hơn địa phương nào, mọi tổ chức và cá nhân đều được bình đẳng với nhau trước giới luật và trước Tổng hội. Nội dung của luật sẽ được các hội viên quyết nghị và thông qua tại kỳ đại hội đồng. Sau khi Tổng hội duyệt y xong sẽ xin phép Chính phủ phê chuẩn để thực hiện.

Trong Tổng hội đồng có Ban Thường trực, ban này sẽ có ba vị Đại sư đại diện cho ba pháp môn (Thiền, Tịnh và Mật tông - ba người này sẽ do các pháp môn cử ra), ba vị Nho học, Tây học và Quốc ngữ (ba vị này do Tổng hội đồng bầu ra). Ban Thường trực chăm lo công tác báo chí và đảm bảo tính chính danh cho các tờ báo. Ban Quản trị của Tổng hội sẽ được bầu chọn từ những người hội viên chân chính. Họ là những người phát tâm tu hành, có đủ đạo hạnh và năng lực để điều phối các hoạt động trong Tổng hội. Ngoài hai ban này, Tổng hội đồng còn có đại biểu của các tỉnh hội, số lượng đại biểu nhiều hay ít sẽ tùy theo số lượng hội viên thực tế ở các địa phương. Hội viên của Tổng hội sẽ bao gồm: Danh dự, Ân nghĩa, Vĩnh viễn, Tán trợ và Chân chính. Mỗi năm Tổng hội sẽ tổ chức đại hội một lần theo hình thức luân phiên, năm này ở tỉnh này, năm sau ở tỉnh khác. Đối với các tỉnh hội, sẽ dựa vào chương trình chung của Tổng hội để soạn thảo kinh sách, đào tạo hội viên đủ trí đức, đủ năng lực... Tùy theo khả năng của từng địa phương mà mở trường dạy chữ Quốc ngữ, dạy nghề, tổ chức diễn thuyết, giảng kinh, cứu trợ, chấn chỉnh nghi lễ thờ tự và loại bỏ tất cả những hiện tượng mê tín, dị đoan... Về sự nghiệp khai hóa thì cần phải có những người vừa am hiểu kiến thức Phật học lẫn thế học để làm trụ cột cho Tổng hội. Bên cạnh đó, Tổng hội cũng phải có cấp ấu học như các hội Hướng đạo sinh để đào tạo các học tăng (thanh thiếu niên) có đủ tài trí ra làm việc thiện, việc nghĩa; phải có cấp trung học để các cư sĩ và tăng già có đủ khả năng hộ pháp và chăm lo các công việc chung của Tổng hội; phải có cấp đại học để đào tạo nên những bậc cao tăng, đại trí làm nòng cốt cho quá trình dẫn đạo, hướng đạo, đồng thời đưa Phật giáo Việt Nam hội nhập với Phật giáo ở các nước trên thế giới.

Có thể thấy rằng, quan điểm của sư Thiện Chiếu về Phật giáo Tổng hội có rất nhiều điểm tiến bộ. Trong đó, nổi bật là việc tôn giới luật làm thầy, đề cao tính bình đẳng giữa các sơn môn, hệ phái cũng như quyền tự do, dân chủ giữa các Tăng Ni, Phật tử; là việc xem giáo dục đào tạo là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Tổng hội... Tuy nhiên, khi xác định các thành phần tham gia vào Tổng hội thì Thiện Chiếu lại có những sự nhìn nhận chưa hợp lý. Sư cho rằng, *“bất kỳ hội nào dù là Phật giáo hay Lão giáo, Khổng giáo nếu chấp thuận các khoản điều lệ và tôn chỉ của Tổng hội thì đều được xem là chi nhánh.”*¹⁴

Đối với Tịnh độ Cư sĩ Phật hội, tổ chức này cũng bày tỏ sự đồng thuận đối với chủ trương của Hội Phật học Kiên Tế và Hội Lương Xuyên Phật học. Quan điểm này được Ban Trị sự của hội

nêu ra như sau: “Nếu muốn cứu khổ về tinh thần không gì hay hơn là lập nhiều trường học. Muốn cứu khổ về vật chất không gì hay hơn là lập nhà nuôi trẻ mồ côi và nhà phát thuốc. Muốn Phật giáo tồn tại vĩnh viễn ở thế gian thì không gì hay hơn là cải cách tăng già. Muốn cho toàn thể Phật giáo đều thực hành triệt để tôn chỉ từ bi cứu khổ về vật chất, về tinh thần cho xã hội thì không gì hay hơn là sớm thực hiện cho được Phật giáo Tổng hội. Chúng tôi xin nhiệt liệt hoan nghênh và tán thành hết thảy những lời đề nghị của hai bạn đồng nghiệp Tiến Hóa và Duy Tâm. Chúng tôi thấy nó hết sức liên quan mật thiết đến nhau.”¹⁵ Theo ý kiến của hội, sở dĩ cần phải kêu gọi thành lập Tổng hội là vì hiện tại Phật giáo Việt Nam đang nảy sinh nhiều vấn đề mới, có tính phức tạp. Trong đó, quan trọng nhất là nhiều ngôi chùa ở Nam bộ hiện tại đã không còn là tài sản chung của các tín đồ nhà Phật mà đã trở thành của riêng ông trụ trì hoặc ông chủ chùa. Các ngôi chùa này đã trở thành nơi **“buôn thần, bán thánh”**, nơi mà người ta **“mượn danh thầy tu”**, mượn danh nhà Phật để lừa gạt lòng tin của tín đồ và gieo rắc vào xã hội những điều mê tín hoang đường. Đây cũng chính là nguyên nhân căn bản đã làm cho Phật giáo trở nên suy yếu và làm mất đi lòng tín ngưỡng chân chính của quần chúng. Do đó, muốn thực hiện được Phật giáo Tổng hội thì phải thủ tiêu chế độ tư hữu, riêng chùa, riêng Phật, phải xóa bỏ các hình thức mượn Phật làm danh. Các ông trụ trì, chủ chùa phải theo gương Hòa thượng Nguyễn Văn Đồng cúng hết gia tài để làm tài sản chung vĩnh viễn cho Hội Phật học Kiên Tế. Như vậy, các chùa, các nhà tu hành mới không bị mang tiếng là lợi dụng Phật giáo để kiếm lợi. Hội cũng cho rằng, Hội Lương Xuyên Phật học muốn đề nghị của mình nhanh chóng được áp dụng thì phải tích cực thực hiện nền tài sản công trong các chùa, các chi nhánh để làm gương cho các hội khác.¹⁶

Không chỉ ủng hộ chủ trương thống nhất Phật giáo của Hội Lương Xuyên Phật học mà Hội Phật học Kiên Tế hay Tịnh độ Cư sĩ Phật hội còn đặt sự kỳ vọng rất lớn vào vai trò của Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học với tư cách là một tổ chức tiên phong ở miền Nam. Theo hội, nếu nói tổ chức nền tài sản công là điều kiện căn bản để đi tới Phật giáo Tổng hội thì Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học phải chịu trách nhiệm trước tiên về vấn đề này. Nếu Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học biết cách tổ chức, biết lập chi nhánh ở các tỉnh, biết làm đúng với tôn chỉ từ bi, cứu khổ thì không bao giờ có Hội Tịnh độ Cư sĩ biệt lập ở Chợ Lớn, Hội Lương Xuyên Phật học biệt lập ở Trà Vinh hay Hội Phật học Kiên Tế biệt lập ở Rạch Giá. Tại vì sao mà các hội ấy lại trở nên biệt lập? 1/Vì tín đồ Phật giáo phần lớn là những người nghèo khổ, không có đủ khả năng để đóng góp số tiền 12 đồng cho đến 24 đồng hội phí trong một năm theo như quy định của Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học. Do đó, bắt buộc các thành viên khác phải lập ra Hội Tịnh độ Cư sĩ để cho những người nghèo khổ nếu có lòng tín ngưỡng Phật pháp thì đều có thể tham gia sinh hoạt Phật sự. 2/Vì Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học tuy đã xây dựng được Phật học đường nhưng lại bỏ bê công tác đào tạo nên không có đủ nhân tài đảm đương công tác hoằng pháp thì tất nhiên sẽ có người chăm lo hoàn thành nhiệm vụ ấy ở một nơi khác như Hội Lương Xuyên Phật học ở Trà Vinh. 3/Vì Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học không lo phổ tế cho đúng với nghĩa từ bi thì tất nhiên sẽ có người lo lập nhà phát thuốc, nhà nuôi dạy trẻ mồ côi ở một nơi khác như Hội Phật học Kiên Tế ở Rạch Giá...



Ảnh: St

Biệt lập chẳng qua chỉ là một điều bất đắc dĩ mà thôi. Biệt lập là để chứng minh cho xã hội, cho mọi người thấy rằng, trong số những người tham gia vận động chấn hưng Phật giáo và thành lập nên Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học không phải ai cũng góp tiền, góp sức chỉ để mua vui với thiên hạ và cũng không phải tất cả họ đều là những người nói suông. Luôn có những người nhiệt tâm vì Đạo pháp và họ đã đứng ra cổ vũ, kêu gọi chấn hưng, thành lập tổ chức hầu mong thay đổi diện mạo cho Phật giáo nước nhà. Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học được thành lập trước tiên ở Sài Gòn - là vùng đất trung tâm của Nam kỳ nên địa vị, danh nghĩa cũng hết sức to lớn đối với sự nghiệp chấn hưng Phật giáo. Do đó, hội phải có trách nhiệm với sứ mệnh thống nhất Phật giáo chứ không phải tìm cách thoái thác. Hội phải triệu tập tất cả các tổ chức trong Nam kỳ để thành lập ngay Phật giáo Tổng hội dựa trên tinh thần Lục hòa và nguyên tắc tài sản công. Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học sẽ được xem là hội quán trung ương và các tổ chức còn lại sẽ là các chi nhánh ở cấp tỉnh. Các tổ chức sẽ lựa chọn các đại biểu để tham gia cùng Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học qua vai trò của một ủy ban trung ương. Sau khi đã tiến hành xong các bước này thì sẽ tiến tới nhóm họp để hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự cũng như mở rộng phạm vi hoạt động ra khắp lục tỉnh Nam kỳ.¹⁷

Với Hội Thiên Thai thiền giáo tông liên hữu, tổ chức này cũng tán thành chủ trương của Hội Lương Xuyên Phật học nhưng cho rằng, sự thống nhất cần phải được thực hiện dựa trên một nền tảng vững vàng và khoa học. Người đại diện cho tổ chức này là Hòa thượng Minh Nguyệt đã thẳng thắn chia sẻ rằng: các tổ chức Phật giáo ra đời cũng đồng một tôn chỉ từ bi mà các hành động lại có nhiều điều đối nghịch. Thực hành, thực hiện thì không thấy mà chỉ thấy đấu khẩu, công kích, bài bác lẫn nhau; chỉ tuyên truyền cổ vũ suông mà không chú trọng đến hiệu quả thực tế. Thế thì bảo sao tín đồ không tín nhiệm. Ai cũng cho là quá trình chấn hưng Phật

giáo đang ở vào thời kỳ phôi thai nhưng thiết nghĩ nếu cứ tiếp tục hành động mà không có quy tắc, quy định, không có một chương trình thực sự thống nhất thì liệu có mang lại được hiệu quả hay không. Đạo Phật chẳng phải ở sự chuyên tâm nghiên cứu đơn lẻ của một cá nhân hay chỉ chăm chú đọc hết kinh sách là có thể hiểu thấu được mọi căn cơ, lý nghĩa. Mà ngược lại, muốn hiểu được đạo Phật, muốn đạt đến cảnh giới niết-bàn thì phải chú trọng đến việc thực hành, đến sự giáo hóa, đến việc ứng dụng những lời răn dạy của đức Phật vào trong đời sống. Điều này chắc hẳn các nhà lãnh đạo trong các tổ chức cũng đã nghĩ tới. Chớ ôi thôi cái nhiệm vụ mà đức Từ phụ để lại cho các đệ tử hôm nay dường như đã không còn được chú tâm thực hiện nữa và rồi đây, nó sẽ bị các thế lực ngoại đạo đánh đổ hoặc bị lôi cuốn theo trào lưu vật chất mà tan biến thành khói mây. Có lẽ các nhà khởi xướng chấn hưng Phật giáo đã tiên lượng điều đó nên mới lo sợ và đồng tâm kêu gọi thống nhất, hòa hợp.

Mục đích của Hội Thiên Thai thiền giáo tông liên hữu là ở chỗ thực hành, không thích các kiểu cách bạo nói ít làm, chỉ tuyên truyền mà không thực hiện. Hội Thiên Thai thiền giáo tông luôn sẵn sàng chấp nhận quy thú dưới quyền quản lý chung của Tổng hội Phật giáo, nhưng quy thú bằng một cách ngôn hạnh tương dung. Nghĩa là Tổng hội phải bảo đảm được tính bình đẳng, dân chủ, phải tích cực cổ xúy việc học tập và thực hành, phải giám sát được giới hạnh của tăng chúng, phải tự mình thay đổi để thích nghi với trào lưu chung của thời đại. Chứ cứ lo “ôn cố tri tân” mà không giữ đức, giữ giới, không chăm lo xây dựng để có một kỷ cương, một quy điều thật chuẩn chỉnh, không lo loại trừ những hạn chế trong tăng đoàn để kết nên một tia sáng vẻ vang cho Phật giáo nước nhà thì thật uổng phí thời gian và công sức. Vì vậy, mong các hội hãy bỏ đi những thành kiến cá nhân và hãy nhanh chóng thực hiện ngay chủ nghĩa hợp nhất để không phải hổ thẹn với Phật giáo ở các nước lân bang và cũng không phải hổ thẹn với các tôn giáo khác ở trong nước¹⁸.

Sau khi nhận được ý kiến phản hồi từ các tổ chức, Hội Lương Xuyên Phật học tiếp tục đẩy mạnh ý nguyện của mình. Trong bài viết **“Bàn về vấn đề Phật giáo Tổng hội”**, hội tiếp tục kêu gọi: *“Người đạo Phật ở xứ này cũng đã có sự giác ngộ mới, sao không sớm giải phóng ra ngoài quan điểm tôn giáo, thần quyền và cùng hợp tác với nhau theo nguyên tắc Lục hòa để có đủ lực lượng mà vào đời cứu khổ cho nhân quần về vật chất lẫn tinh thần. Muốn thực hiện cái tinh thần vô úy, nhập thế độ sinh, chúng tôi tưởng không phải để cho các lực lượng trong đạo Phật cứ phân tán như bấy lâu nay mà có hy vọng được. Cho nên hội chúng tôi rất mong những vị kỳ túc, kiến giải cao siêu, nắm bắt được tình thế của thời cuộc sau khi xem xong bài này hãy nhất trí công nhận cho Phật giáo Tổng hội sớm được thực hiện.”*¹⁹ Trần Huỳnh - một trong những thành viên chủ lực của hội - cũng đã thúc giục rằng: *“Vấn đề Phật giáo Tổng hội ai cũng biết là rất có lợi ích cho Đạo pháp, cho xã hội, cho nhân quần. Chúng tôi tin rằng, thực hành hơn luận thuyết. Quý ngài, quý hội tuy không nói ra nhưng bên trong đã chất chứa những hoài bão để tiến đến thành lập Phật giáo Tổng hội. Quý hội, quý ngài sẽ không nỡ để cho vấn đề Phật giáo Tổng hội nằm mãi trong lý tưởng, trở thành lông rùa, sừng thỏ, bóng trong gương, trăng dưới nước được.”*²⁰

Bước vào những năm 1940, các hoạt động chấn hưng của Hội Lưỡng Xuyên Phật học gặp rất nhiều khó khăn. Các Phật học đường luôn phải sinh hoạt trong tình trạng eo hẹp về tài chính, Tạp chí Duy Tâm số ra không đều vì thiếu giấy in... Mặc dù vậy, với quan điểm “xã hội đi tới thì Phật giáo cũng phải đi tới”, Hội Lưỡng Xuyên Phật học vẫn dành những ưu tiên hàng đầu cho cuộc vận động thống nhất Phật giáo. Theo hội, để công tác hoàng pháp lợi sinh có thể phát huy được vai trò trong bối cảnh xã hội có nhiều biến động như hiện tại thì cần nhất là phải thành lập cho được Phật giáo Tổng hội. Các vị Tăng già nên biểu thị sự đồng tình để tổ chức một nền tài sản công dựa trên tinh thần Lục hòa. Hãy bài xích chế độ tư hữu để đưa các nguyên tắc hòa hợp trở lại. Hãy tích cực chăm lo công tác giáo dục để các học tăng có thêm kiến thức, có đủ kinh nghiệm, có đủ khả năng để sinh hoạt và không phải dựa dẫm vào tín đồ. Hãy ráng kêu gọi, ráng thực hành cho Phật giáo Tổng hội sớm ngày thực hiện. Có được Tổng hội, Phật giáo mới có một quy mô rộng lớn, một nguồn tài chính dồi dào để mở mang thêm các cơ sở nông nghệ, thương mại cho người xuất gia tùy cơ sinh hoạt; xây dựng được các Phật học đường thực sự bài bản để đào tạo nên các bậc tinh anh cho Phật giáo về sau; lập nên được các viện dục anh, phòng khám chữa bệnh, nhà phát thuốc, nhà dưỡng lão trong khắp các chùa để cứu tế trẻ em mồ côi cùng những người ốm đau, bệnh tật. Có Tổng hội thì Phật giáo mới có được một nền tảng vững bền để phát triển và những tín đồ nhà Phật mới có cơ hội hoàn nguyên được các giá trị cho ngôi Tam bảo. Còn nếu cứ tiếp tục duy trì cái khuôn khổ chật hẹp như bấy lâu nay thì đạo Phật sẽ bị đào thải bởi quy luật phát triển chung của nhân loại.²¹

Bài viết **“Người học Phật ngày nay cần có tinh thần cải cách”**, đăng trên Duy Tâm Phật học, số 51-52, đã tạm thời khép lại chủ đề Phật giáo Tổng hội của Hội Lưỡng Xuyên Phật học và các khuynh hướng ủng hộ thống nhất ở miền Nam đương thời. Dù phải chấm dứt ý nguyện, song với niềm lạc quan vào sự trường tồn của Đạo pháp, Hội Lưỡng Xuyên Phật học vẫn tin tưởng, vẫn nuôi hy vọng Phật giáo Việt Nam sẽ được thống nhất. Tâm niệm này đã được Ban Trị sự của hội bộc bạch rằng: Từ ngày chúng tôi đề nghị với đồng bào về vấn đề Phật giáo Tổng hội cho đến nay đã trải qua một thời gian khá dài. Ngoài những ý kiến đóng góp trực tiếp từ các bậc cao tăng trong tông lâm, chúng tôi còn nhận được rất nhiều thư từ của các nhà trí thức bày tỏ sự ủng hộ và mong ngóng Tổng hội sớm ngày được thành lập. Đó chính là những bằng chứng để khẳng định rằng, đề nghị thành lập Phật giáo Tổng hội không những đi đúng với truyền thống Lục hòa mà còn phù hợp với nguyện vọng chung của xã hội. Và vì vậy, không để ý nguyện thành lập Phật giáo Tổng hội trở thành những lời nói suông, chúng tôi đã tích cực thực hành. Tuy gặp thời buổi khó khăn đủ điều nhưng chúng tôi vẫn dũng mạnh tinh tấn thực hành theo phép lục độ. Ngoại duyên nhờ sự trở lực nhiệt tình của các bậc thiện tín nên Phật học đường của hội luôn rộng mở để đón nhận học Tăng theo học. Chúng tôi muốn minh chứng cho đồng đảo tín đồ biết rằng, muốn chấn hưng Phật giáo thì cần phải đào tạo Tăng tài, muốn Phật giáo Tổng hội được hiện hữu trên dải đất Việt Nam thì những người xuất gia phải giới hạnh vẹn toàn, tài đức kiêm ưu. Và nhiều người cũng đã thấy rằng, đạo Phật muốn tồn tại vĩnh viễn thì phải tích cực thực hiện hạnh từ bi, cứu khổ, phải tham gia nhập thế để cứu độ dân sinh. Nếu không chú trọng đến các phương diện này thì công trình chấn hưng vĩ đại của các bậc Tăng già và cư sĩ sẽ hóa thành **“dã tràng xe cát”**. Lỗi ấy thuộc về ai? Chúng ta hãy nên

gác lại những thành kiến cá nhân, những quan điểm bảo thủ và hãy nỗ lực để xây dựng Phật giáo Tổng hội. Phải xem việc thành lập Phật giáo Tổng hội là nhiệm vụ thiêng liêng mà bất cứ người Phật tử nào cũng phải nỗ lực để thực hiện. Chỉ có như vậy, Phật giáo mới được thống nhất, mới tồn tại vững bền theo thời gian.²²

III. KẾT LUẬN

Có thể thấy rằng, dù rất nhiệt thành với việc thống nhất Phật giáo, song ý nguyện này đã không thể thực hiện được. Có rất nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan đã làm cho công cuộc thống nhất Phật giáo không đi đến kết quả.

Đầu tiên phải kể đến là những biến động của thời cuộc và của đất nước. Trong bối cảnh đất nước đang gặp phải nạn ngoại xâm thì mọi yêu cầu, mọi nỗ lực đều tập trung vào đích đến cao nhất là độc lập cho dân tộc và tự do cho nhân dân. Để tạo nên một sự đối trọng với các lực lượng cách mạng, chính quyền thực dân đã tìm cách lôi kéo các giai tầng xã hội đứng về phía mình. Việc cho phép các tổ chức Phật giáo thành lập rộng rãi trên khắp cả nước tất nhiên một phần nguyên nhân sẽ được bắt nguồn từ những toan tính này. Mặc dù được phép hoạt động công khai, nhưng điều đó không có nghĩa là chính quyền thực dân sẽ buông lỏng sự quản lý đối với Phật giáo. Do vậy, để đi đến một sự hợp nhất có tính hệ thống trong khi Phật giáo đang chịu sự quản lý chặt chẽ của chính quyền thực dân, trong khi đất nước đang bị thế lực ngoại xâm phân chia thành ba kỳ với ba chế độ cai trị khác nhau thì đó là một điều rất khó nếu không nói là không thể thực hiện được. Thêm vào đó, những biện pháp quản lý về mặt xã hội mà chính quyền thực dân Pháp sử dụng nhiều khi cũng đủ sức để tạo ra những sự **“răn đe”**, những **“rào cản”** nhất định đối với tầng chúng khi muốn công khai thực hiện một sứ mệnh thuần túy về mặt đức tin. Dù rất nhiệt thành với Đạo pháp, với công cuộc thống nhất Phật giáo, nhưng một số Tăng Ni, Phật tử đã tỏ ra e ngại vì lo sợ đụng chạm tới chính quyền và hơn cả là họ không muốn có thêm những phiền toái cho bản thân. Và vì vậy, bên cạnh những người tán thành thì vẫn còn một nhóm các Tăng Ni, Phật tử tỏ ra thiếu quyết đoán trong việc ủng hộ chủ trương thống nhất Phật giáo của Hội Lưỡng Xuyên Phật học.

Nguyên nhân tiếp theo bắt nguồn từ nội tại Phật giáo Việt Nam. Thống nhất chính là điều kiện cơ bản nhằm cung cấp thêm nguồn sức mạnh cho Phật giáo Việt Nam trong hành trình chấn hưng Phật pháp. Tuy nhiên, ở vào giai đoạn này, Phật giáo Việt Nam chưa tạo ra được những điều kiện cần và đủ để hoàn thiện nhiệm vụ này. Ở miền Nam, sự hình thành đa dạng các tổ chức Phật học đã cho thấy tính thức thời và lòng nhiệt thành của Tăng Ni, Phật tử trong việc chấn hưng Phật giáo. Nhưng nhiệt thành không thôi thì chưa đủ mà cần nhất là phải có tinh thần đoàn kết, phải có một chương trình hành động thực sự đúng đắn thì công cuộc thống nhất mới có hiệu quả. Chương trình của Hội Lưỡng Xuyên Phật học đã nhận được sự quan tâm, ủng hộ của nhiều tổ chức Phật giáo lẫn các nhà trí thức đương thời. Tuy nhiên, chương trình này vẫn vấp phải những hạn chế nhất định của nó.

Thứ nhất, chương trình này mới chỉ dừng lại ở mức độ đại cương, chưa có sự chi tiết, cụ thể hóa. Bốn nội dung trọng tâm mà bản chương trình hướng đến là xây dựng cơ cấu tổ chức, đào

tạo tăng tài, Việt hóa kinh sách và thiết lập nền tài sản công trong các chùa. Để có một Tổng hội Phật giáo Việt Nam thực sự thì phải cần đến một bản chương trình với nhiều nội dung chi tiết và quy mô hơn bốn vấn đề này. Đó là các quan điểm, mục tiêu về sự phát triển của Phật giáo sau khi hợp nhất, phương thức điều phối của Tổng hội; cơ cấu, chức năng, nhiệm vụ, cách thức vận hành... Nói chung quy là cần đến một bản điều lệ và quy tắc hoạt động thực sự bài bản, vừa có đủ sức để quản lý tất cả các sơn môn, hệ phái, các Tăng Ni, Phật tử trong cả nước; nhưng đồng thời cũng đảm bảo được tính tự do, dân chủ và sự phân bổ một cách bình đẳng các quyền lợi cho những người tham gia; nhất là giúp cho Phật giáo Việt Nam loại bỏ được những hạn chế đang tồn tại để từ đó, hướng đến một tâm thế phát triển mới đầy năng động và tốt đẹp hơn.

Thứ hai, trong quá trình xây dựng chương trình thống nhất, những người khởi xướng chưa chú trọng đến hoàn cảnh thực tế của các Tăng Ni, Phật tử nên đã không động viên, huy động được sự tham gia tán trợ một cách tối đa. Đời sống của các Tăng Ni, Phật tử đương thời không phải tất cả đều giống nhau. Quý thầy trụ trì các chùa danh lam hay những nơi Phật sự nguy nga ở các đô thị thì đời sống tương đối an nhàn, lại có đủ điều kiện để tiếp nhận thông tin, tra cứu Phật lục, bồi dưỡng giáo dục và nâng cao trình độ trí thức của mình. Trái lại, đời sống của quý thầy ở các chùa thôn quê thường cơ cực, ngoài thì giờ tu niệm thì họ phải tích cực trồng tía mới mong sống đủ qua ngày. Đó là chưa kể đến việc họ còn phải gồng mình để gánh vác các trách nhiệm của lệ làng, phải chống lại sự hà hiếp của cường hào, địa chủ... Chính vì không hiểu hết mọi khó khăn, khúc chiết cơ cực của các Tăng Ni, Phật tử nên những người khởi xướng thống nhất Phật giáo đã không thể đề ra được những phương pháp, kế hoạch sát đáng, cũng như không thể động viên được tinh thần hưởng ứng của họ. Từ đó, quá trình thống nhất Phật giáo sẽ gặp nhiều trở ngại vì chắc chắn rằng, tất cả các Tăng Ni, Phật tử sẽ không thể tham gia đóng góp một cách đầy đủ.

Thứ ba, chưa đặt đúng mối quan hệ giữa lý trí và tình cảm nên nhiều khi đã dẫn đến mâu thuẫn. Chương trình do Hội Lương Xuyên Phật học vạch ra và thậm chí là các ý kiến đóng góp của các hội đoàn, các cá nhân đương thời phần nhiều chỉ nhằm vào lý trí, đặt cương vị của ông sư phải thực hiện giới luật như thế này, hoặc ngộ đạo thế kia, chứ chưa chú trọng đến tâm lý thực tế của nhiều Tăng Ni, Phật tử. Chính xu hướng **“bắt buộc”** này đã vô tình động chạm đến lòng hữu ngã của các Tăng Ni, Phật tử nên không động viên được tinh thần tự giác tham gia của nhiều người. Thêm vào những lý do này là chủ trương thực hiện tài sản công trong các chùa. Dẫu biết rằng, với mỗi người xuất gia tứ đại giai không, tất cả mọi tài sản đều thuộc về Tăng đoàn (Tam bảo) nhưng không phải ai cũng chấp nhận thực tế này. Việc hợp nhất tài sản sẽ trực tiếp ảnh hưởng đến quyền lợi, lợi ích của nhiều người, nhất là đối với các chùa tư nhân. Do đó, việc đề cao nguyên tắc tài sản công trong các chùa cũng chính là một rào cản đối với quá trình vận động thống nhất Phật giáo.

Ngoài những hạn chế của bản chương trình thì một nguyên nhân tiếp theo bắt nguồn từ chính bản thân các tổ chức Phật giáo và các Tăng Ni, Phật tử ở miền Nam đương thời. Các tổ chức ra đời vốn là để thực hiện sứ mệnh chấn hưng Phật giáo, nhưng trên thực tế đã có sự ganh đua

lẫn nhau. Vì sự **“hơn thua”** mà Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học đã không chấp nhận việc thống nhất. Đặc biệt là khi ý tưởng đó không phải do chính tổ chức này khởi xướng và đề đạt. Xin được lưu ý rằng, trong số các đoàn thể Phật giáo ở miền Nam đương thời, Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học là tổ chức có uy tín và tầm ảnh hưởng mạnh mẽ nhất đối với giới chức chính trị Pháp lẫn chính phủ Nam Triều. Sự ủng hộ hay phản đối của tổ chức này sẽ có ảnh hưởng rất lớn đối với các hoạt động chấn hưng Phật giáo. Do vậy, không phải ngẫu nhiên mà các tổ chức như Hội Phật học Kiêm Tế, Tịnh độ Cư sĩ Phật hội và cả Hội Lương Xuyên Phật học dù không thực sự hài lòng nhưng vẫn thiết tha kêu gọi sự tham gia tán trợ của Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học. Và khi Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học tìm cách thoái thác trách nhiệm, từ chối lời đề nghị thì cũng đồng nghĩa với việc nhu yếu thống nhất Phật giáo ở khu vực này sẽ khó để thực hiện được. Bên cạnh đó, thống nhất Phật giáo cũng sẽ ít nhiều động chạm đến đời sống của nhiều Tăng Ni, Phật tử. Những người vốn trước đây đã quen với việc **“hùng cứ một phương”** thì tất nhiên họ sẽ phản ứng vì lo sợ mất đi quyền lợi, lợi ích riêng của mình. Họ không muốn chịu sự quản lý, chi phối hay điều phối bởi bất cứ ai, hay một tổ chức nào. Một số khác thì tỏ ra lưỡng lự vì họ chưa thể hình dung được rằng đằng sau sự thống nhất ấy sẽ mang đến điều gì. Một số còn lại với thói quen biệt lập môn đình của mình thì tất nhiên họ sẽ không có nhiều ý kiến để đóng góp vì ngay từ đầu họ đã không tham gia vào công cuộc chấn hưng Phật giáo.

TS Dương Thanh Mừng

Khoa Dân tộc và Tôn giáo, Học viện Chính trị khu vực III, Đà Nẵng.

Tham luận tại hội thảo về chủ đề: **“Giáo hội Phật giáo Việt Nam: 40 năm hội nhập và phát triển cùng đất nước”** vào ngày 04-11-2021 tại Tp.HCM

CHÚ THÍCH

- 1 Huệ Quang (1937), “Phật học Tổng hội”, *Duy Tâm Phật học*, số 25, tr.37-40.
- 2 Hội Lương Xuyên Phật học (1938), “Phật học Tổng hội”, *Duy Tâm Phật học*, số 28, tr.153-155.
- 3 Hội Lương Xuyên Phật học (1938), “Thư mời các hội Phật giáo Nam kỳ và Cao Miên”, báo Sài Gòn, số 1336, tr.4.
- 4 Hội Lương Xuyên Phật học (1938), “Ý kiến đồng nhơn”, *Duy Tâm Phật học*, số 29, tr.220-222.
- 5 Hội Lương Xuyên Phật học (1938), “Bàn về vấn đề Phật giáo Tổng hội”, *Duy Tâm Phật học*, số 34, tr.420-423.
- 6 Hội Lương Xuyên Phật học (1938), “Phật giáo Tổng hội”, *Duy Tâm Phật học*, số 32, tr.336-342.
- 7 Thiện Minh (1938), “Hãy tỉnh giấc mê hồn”, *Từ Bi Âm*, số 151, tr.12-13.
- 8 Võ Văn Biếu (1938), “Về vấn đề Phật giáo Tổng hội các ngài trí thức Phật tử tính sao tôi xin tính”, *Từ Bi Âm*, số 156, tr.34-44.
- 9 Võ Văn Biếu (1939), “Vấn đề Phật giáo Tổng hội các ngài trí thức Phật tử tính sao tôi xin tính”, *Từ Bi Âm*, số 160, tr.34-41.

- 10 Dương Sĩ Hiền (1938), “Cảm tưởng của tôi sau khi đọc bài Phật học Tổng hội của Sư cụ Huệ Quang đăng trong Tạp chí Duy Tâm”, Lục tỉnh Tân văn, số 5751, tr.2-3.
- 11 Liên Tổ (1938), “Đồng thanh tương ứng”, Duy Tâm Phật học, số 31, tr.299-307.
- 12 Hội Phật học Kiêm Tế (1938), “Cho được Phật giáo Tổng hội”, Tiến Hóa, số 5, tr.140-144.
- 13 Hội Phật học Kiêm Tế (1938), “Một dịp tốt cho người đạo Phật ở Đông Dương biểu hiện cái tinh thần vô úy”, Tiến Hóa, số 8, tr.217-218.
- 14 Tự Giác (1938), “Phật giáo Tổng hội”, Duy Tâm Phật học, số 33, tr.378-382.
- 15 Tịnh độ Cư sĩ Phật hội (1938), “Cái nhiệm vụ lớn lao của các cơ quan Phật học”, Pháp Âm Phật học, số 13, tr.1-6.
- 16 Tịnh độ Cư sĩ Phật hội (1938), “Cái nhiệm vụ lớn lao của các cơ quan Phật học”... Tlđđ, tr.1-6.
- 17 Tịnh độ Cư sĩ Phật hội (1938), “Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học phải chịu trách nhiệm trong cuộc vận động Phật giáo Tổng hội”, Pháp Âm Phật học, số 14, tr.1-4.
- 18 Minh Nguyệt (1938), “Phật pháp với thời kỳ hiện nay”, Bác Nhã Âm, số 11, tr.6-8.
- 19 Hội Lưỡng Xuyên Phật học (1939), “Bàn về vấn đề Phật giáo Tổng hội”, Duy Tâm Phật học, số 37, tr.1-4.
- 20 Trần Huỳnh (1939), “Bài diễn văn”, Duy Tâm Phật học, số 37, tr.5-16.
- 21 Hội Lưỡng Xuyên Phật học (1940), “Phật giáo Tổng hội”, Duy Tâm Phật học, số 40, tr.152-157.
- 22 Hội Lưỡng Xuyên Phật học (1943), “Người học Phật ngày nay cần có tinh thần cải cách”, Duy Tâm Phật học, số 51-52, tr.2-4.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Võ Văn Biếu (1938), “Về vấn đề Phật giáo Tổng hội các ngài trí thức Phật tử tính sao tôi xin tính”, Từ Bi Âm, số 156, tr. 34-44.
- Võ Văn Biếu (1939), “Vấn đề Phật giáo Tổng hội các ngài trí thức Phật tử tính sao tôi xin tính”, Từ Bi Âm, số 160, tr.34-41.
- Tự Giác (1938), “Phật giáo Tổng hội”, Duy Tâm Phật học, số 33, tr. 378-382.
- Dương Sĩ Hiền (1938), “Cảm tưởng của tôi sau khi đọc bài Phật học Tổng hội của Sư cụ Huệ Quang đăng trong Tạp chí Duy Tâm”, Lục tỉnh Tân văn, số 5751, tr. 2-3.
- Hội Lưỡng Xuyên Phật học (1938), “Bàn về vấn đề Phật giáo Tổng hội”, Duy Tâm Phật học, số 34, tr. 420-423.
- Hội Lưỡng Xuyên Phật học (1938), “Phật học Tổng hội”, Duy Tâm Phật học, số 28, tr. 153-155.
- Hội Lưỡng Xuyên Phật học (1938), “Phật giáo Tổng hội”, Duy Tâm Phật học, số 32, tr. 336-342.
- Hội Lưỡng Xuyên Phật học (1938), “Thư mời các hội Phật giáo Nam kỳ và Cao Miên”, báo Sài Gòn, số 1336, tr. 4.
- Hội Lưỡng Xuyên Phật học (1938), “Ý kiến đồng nơn”, Duy Tâm Phật học, số 29, tr. 220-222.
- Hội Lưỡng Xuyên Phật học (1939), “Bàn về vấn đề Phật giáo Tổng hội”, Duy Tâm Phật học, số 37, tr. 1-4.
- Hội Lưỡng Xuyên Phật học (1940), “Phật giáo Tổng hội”, Duy Tâm Phật học, số 40, tr. 152-157.

Hội Lưỡng Xuyên Phật học (1943), “Người học Phật ngày nay cần có tinh thần cải cách”, *Duy Tâm Phật học*, số 51-52, tr. 2-4.

Hội Phật học Kiêm Tế (1938), “Cho được Phật giáo Tổng hội”, *Tiến Hóa*, số 5, tr. 140-144.

Hội Phật học Kiêm Tế (1938), “Một dịp tốt cho người đạo Phật ở Đông Dương biểu hiện cái tinh thần vô úy”, *Tiến Hóa*, số 8, tr. 217- 218.

Trần Huỳnh (1939), “Bài diễn văn”, *Duy Tâm Phật học*, số 37, tr. 5-16. Thiện Minh (1938), “Hãy tỉnh giấc mê hồn”, *Từ Bi Âm*, số 151, tr.

12-13.

Minh Nguyệt (1938), “Phật pháp với thời kỳ hiện nay”, *Bác Nhã Âm*, số 11, tr. 6-8.

Huệ Quang (1937), “Phật học Tổng hội”, *Duy Tâm Phật học*, số 25, tr. 37-40.

Tịnh độ Cư sĩ Phật hội (1938), “Cái nhiệm vụ lớn lao của các cơ quan Phật học”, *Pháp Âm Phật học*, số 13, tr. 1-6.

Tịnh độ Cư sĩ Phật hội (1938), “Hội Nam kỳ Nghiên cứu Phật học phải chịu trách nhiệm trong cuộc vận động Phật giáo Tổng hội”, *Pháp Âm Phật học*, số 14, tr. 1-4.

Liên Tổ (1938), “Đồng thanh tương ứng”, *Duy Tâm Phật học*, số 31, tr. 299-307.